

Số: **06** /2019/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

THÔNG TƯ

**Bổ sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV
trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số
04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính
phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ
thống giáo dục quốc dân;*

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Bổ
sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ
trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-
BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh
và Xã hội.*

Điều 1. Bổ sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo
cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số
04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức
chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

các cơ sở có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH, Website Bộ;
- Lưu: VT, TCGDNN (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quân



**DANH MỤC BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO MÃ CẤP IV
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số **06** /TT-BLĐTBXH ngày **28** tháng **1** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã	Tên gọi	Mã	Tên gọi
5	Trình độ trung cấp	6	Trình độ cao đẳng
514	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	614	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
51402	Đào tạo giáo viên	61402	Đào tạo giáo viên
5140204	Sư phạm kỹ thuật xây dựng	6140204	Sư phạm kỹ thuật xây dựng
521	Nghệ thuật	621	Nghệ thuật
52102	Nghệ thuật trình diễn	62102	Nghệ thuật trình diễn
		6210202	Nghệ thuật biểu diễn dân ca
5210237	Tạp kỹ	6210237	Tạp kỹ
5210238	Công nghệ âm nhạc		
522	Nhân văn	622	Nhân văn
52202	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài	62202	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài
5220216	Tiếng Anh thương mại	6220216	Tiếng Anh thương mại
5220217	Tiếng Anh du lịch	6220217	Tiếng Anh du lịch
5220218	Tiếng Anh lễ tân nhà hàng - Khách sạn	6220218	Tiếng Anh lễ tân nhà hàng - Khách sạn
532	Báo chí và thông tin	632	Báo chí và thông tin
53201	Báo chí và truyền thông	63201	Báo chí và truyền thông
		6320104	Công nghệ phát thanh - truyền hình
53202	Thông tin - Thư viện	63202	Thông tin - Thư viện
		6320208	Thư viện - Thông tin
		6320209	Công nghệ thiết bị trường học
53203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng	63203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng
		6320302	Văn thư - Lưu trữ
534	Kinh doanh và quản lý	634	Kinh doanh và quản lý
53401	Kinh doanh	63401	Kinh doanh
		6340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu
		6340120	Bán hàng trong siêu thị
5340123	Hành chính logistics	6340123	Hành chính logistics
53403	Kế toán - Kiểm toán	63403	Kế toán - Kiểm toán
		6340306	Kế toán tin học
5340311	Kế toán thuế	5340311	Kế toán thuế
5340312	Kế toán nội bộ	5340312	Kế toán nội bộ

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã	Tên gọi	Mã	Tên gọi
53404	Quản trị - Quản lý	63404	Quản trị - Quản lý
		6340425	Quản lý kho hàng
5340438	Quản lý giao nhận hàng hóa		
		6340439	Quản lý vận tải và dịch vụ logistics
		6340440	Quản lý vận hành cảng
		6340441	Quản lý chất lượng thực phẩm
5340442	Giám sát kho hàng	6340442	Giám sát kho hàng
5340443	Quản lý siêu thị	6340443	Quản lý siêu thị
538	Pháp luật	638	Pháp luật
53801	Luật	63801	Luật
5380102	Pháp luật về quản lý hành chính công	6380102	Pháp luật về quản lý hành chính công
53802	Dịch vụ pháp lý	63802	Dịch vụ pháp lý
5380203	Tư pháp cơ sở	6380203	Tư pháp cơ sở
5380204	Pháp chế doanh nghiệp	6380204	Pháp chế doanh nghiệp
5380205	Dịch vụ pháp lý doanh nghiệp	6380205	Dịch vụ pháp lý doanh nghiệp
5380206	Dịch vụ pháp lý về đất đai	6380206	Dịch vụ pháp lý về đất đai
5380207	Dịch vụ pháp lý về tổ tụng	6380207	Dịch vụ pháp lý về tổ tụng
5380208	Trợ lý tổ chức hành nghề công chứng	6380208	Trợ lý tổ chức hành nghề công chứng
5380209	Trợ lý tổ chức hành nghề luật sư	6380209	Trợ lý tổ chức hành nghề luật sư
5380210	Trợ lý tổ chức đấu giá tài sản	6380210	Trợ lý tổ chức đấu giá tài sản
5380211	Trợ lý tổ chức hành nghề thừa phát lại	6380211	Trợ lý tổ chức hành nghề thừa phát lại
548	Máy tính và công nghệ thông tin	648	Máy tính và công nghệ thông tin
54801	Máy tính	64801	Máy tính
5480107	Điện tử máy tính	6480107	Điện tử máy tính
5480108	Đồ họa đa phương tiện	6480108	Đồ họa đa phương tiện
551	Công nghệ kỹ thuật	651	Công nghệ kỹ thuật
55101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	65101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng
5510121	Công nghệ kỹ thuật hạ tầng đô thị	6510121	Công nghệ kỹ thuật hạ tầng đô thị
55103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	65103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
5510313	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời	6510313	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời
5510314	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	6510314	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà
5510315	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí	6510315	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí
55105	Công nghệ sản xuất	65105	Công nghệ sản xuất
		6510516	Sản xuất gạch Ceramic
		6510517	Sản xuất gạch Granit
55107	Công nghệ dầu khí và khai thác	65107	Công nghệ dầu khí và khai thác
		6510706	Kỹ thuật xăng dầu

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã	Tên gọi	Mã	Tên gọi
55108	Công nghệ kỹ thuật in	65108	Công nghệ kỹ thuật in
		6510805	Công nghệ bao bì
5510806	Công nghệ gia công bao bì		
5510807	Công nghệ chế tạo khuôn bế		
552	Kỹ thuật	652	Kỹ thuật
55201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	65201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
5520192	Vận hành máy xúc thủy lực		
5520193	Vận hành máy gặt		
5520194	Bảo trì hệ thống sản xuất tự động	6520194	Bảo trì hệ thống sản xuất tự động
5520195	Bảo trì hệ thống điều khiển và vận hành tàu cá	6520195	Bảo trì hệ thống điều khiển và vận hành tàu cá
5520196	Kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa xe cơ giới	6520196	Kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa xe cơ giới
		6520197	Kỹ thuật lập trình, gia công trên máy CNC
5520198	Cơ khí xây dựng	6520198	Cơ khí xây dựng
55202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	65202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
5520270	Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo	6520270	Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo
5520271	Vận hành nhà máy điện gió, điện mặt trời	6520271	Vận hành nhà máy điện gió, điện mặt trời
554	Sản xuất và chế biến	654	Sản xuất và chế biến
55402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	65402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da
5540214	Sản xuất muối và hóa chất sau muối	6540214	Sản xuất muối và hóa chất sau muối
		6549003	Công nghệ kỹ thuật chế biến mủ Cao su
562	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	662	Nông, lâm nghiệp và thủy sản
56201	Nông nghiệp	66201	Nông nghiệp
		6620120	Chăn nuôi - Thú y
5620131	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	Nông nghiệp công nghệ cao
		6620132	Nông lâm kết hợp
564	Thú y	664	Thú y
56402	Dịch vụ thú y	66402	Dịch vụ thú y
5640201	Dịch vụ thú y		
572	Sức khỏe	672	Sức khỏe
57202	Dược học	67202	Dược học
5720204	Dược cộng đồng	6720204	Dược cộng đồng
5720205	Dược liệu dược học cổ truyền	6720205	Dược liệu dược học cổ truyền
5720206	Bào chế dược phẩm	6720206	Bào chế dược phẩm
57203	Điều dưỡng - Hộ sinh	67203	Điều dưỡng - Hộ sinh
5720304	Điều dưỡng nha khoa	6720304	Điều dưỡng nha khoa
585	Môi trường và bảo vệ môi trường	685	Môi trường và bảo vệ môi trường
58501	Quản lý tài nguyên và môi trường	68501	Quản lý tài nguyên và môi trường